TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Phạm Văn Tỵ

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Công V, nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Công V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện A, Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh V tại thôn 1, xã B, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng

thẳng nên từ năm 2016 đến nay, chị đã về cư trú cùng mẹ đẻ chị ở thôn K, xã T, huyện A. Năm 2017, anh V có vi phạm pháp luật, bị xử phạt tù giam và đi thi hành án tại Trại giam số 5, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, anh V đã thi hành án án xong và về cư trú cùng gia đình anh V tại thôn 1, xã B, huyện A. Từ năm 2016 đến nay chị và anh V sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Công V.

Về con chung: Chị và anh V có một con chung là Lê Quỳnh M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014. Hiện tại con chung do anh V nuôi dưỡng. Do chị phải đi làm ăn xa nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh V nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Lê Công V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và thời gian phát sinh mâu thuẫn của anh và chị N theo như chị N đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm nên tình cảm xa lánh. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau khi chị N bỏ đi, anh có đi tìm, chị N có quay về đoàn tụ song chỉ được một, hai ngày chị N lại bỏ đi. Lần cuối cùng chị N bỏ đi từ cuối năm 2016 đến nay. Sau khi chị N bỏ đi, năm 2017 anh vi phạm pháp luật và phải đi thi hành án phạt tù giam tại Trại giam số 5, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian anh đi thi hành án, chị N không đến trại giam thăm nuôi anh lần nào, chị N cũng không liên lạc với anh. Hiện tại anh đã thi hành án xong về về cư trú cùng gia đình anh tại thôn 1, xã B. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì con chung còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh và Nguyễn Thị N có một con chung theo như lời khai chị N đã khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng vì hiện tại anh đã có việc làm, có thu nhập, anh còn được sự giúp đỡ của mẹ đẻ anh trong việc chăm sóc con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N; giao con chung Lê Quỳnh M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014 cho anh V nuôi dưỡng; không giải quyết

về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Lê Công V vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, Hải Phòng vào năm 2013. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác vợ chồng có nghi ngờ nhau về tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm xa lánh. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con chung còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn nhưng anh V cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh V không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V có một con chung là Lê Quỳnh M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014. Chị N và anh V đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị N và anh V là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi cho con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Công V.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Quỳnh M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014 cho anh Lê Công V nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4031 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã B, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế